

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

● NGÔ VĂN HẬU - LÊ LONG HẬU

TÓM TẮT:

Sử dụng số liệu khảo sát từ các chuyên gia và cán bộ trực tiếp làm công tác kiểm soát chi (KSC), nghiên cứu đã đánh giá một số hạn chế trong việc áp dụng các văn bản hiện hành vào quy trình thanh toán vốn đầu tư (VĐT) trên địa bàn. Kết quả nghiên cứu cho thấy một số khó khăn, vướng mắc và chưa phù hợp..., từ đó, đề xuất một số giải pháp đến các cơ quan có liên quan nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát chi VĐT xây dựng cơ bản (XDCB).

Từ khóa: Xây dựng cơ bản, vốn đầu tư, ngân sách nhà nước, Kho bạc Nhà nước Mỹ Tú.

1. Giới thiệu

Trong những năm qua, việc đầu tư xây dựng các công trình đạt được rất nhiều kết quả tốt, đã góp phần nâng cao đời sống cho nhân dân, tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, trong quản lý đầu tư các dự án sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN), nhất là việc quản lý và triển khai thực hiện các dự án đầu tư XDCB và dự án sử dụng vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư còn nhiều hạn chế, yếu kém, thất thoát, lãng phí xảy ra ở hầu hết các giai đoạn của quá trình đầu tư, dẫn đến hiệu quả đầu tư thấp, tiêu cực, gây lãng phí, thất thoát vốn NSNN.

Để đạt được các mục tiêu trên, việc nâng cao trách nhiệm quản lý và điều hành NSNN một cách có hiệu quả là một việc làm đòi hỏi nỗ lực rất lớn của các Ban, Ngành liên quan, trong đó có Kho bạc Nhà nước (KBNN) Mỹ Tú, Sóc Trăng. Cụ thể, có 3 yếu tố chính ảnh hưởng đến công tác KSC, đó

là: hệ thống văn bản; con người thực thi nhiệm vụ và trang thiết bị vật chất, cơ sở dữ liệu... đóng góp không nhỏ trong công tác quản lý quỹ NSNN

2. Phương pháp tiếp cận và dữ liệu nghiên cứu

2.1. Phương pháp tiếp cận

Dựa vào quy trình thanh toán VĐT và các văn bản hiện hành có liên quan, nghiên cứu đánh giá khi áp dụng vào thực tế tại địa bàn huyện Mỹ Tú. Từ đó, chỉ ra những vấn đề còn hạn chế và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát chi XDCB.

Tác giả trực tiếp phát phiếu khảo sát, để các chuyên gia chọn thang điểm tương ứng với câu hỏi về những thuận lợi, khó khăn trong công tác kiểm soát VĐT, các biến số được đánh giá theo thang đo likert 5 mức độ (Hoàn toàn không đồng ý; Không đồng ý; Không ý kiến; Đồng ý và Hoàn toàn đồng ý); 5 ý nghĩa điểm số bình quân (từ 1,0-

1.80: Hoàn toàn không đồng ý, từ 1.81-2.60: Không đồng ý; từ 2.61-3.40: Không có ý kiến; từ 3.41-4.20: Đồng ý; từ 4.21-5.00: Hoàn toàn đồng ý). Để thực hiện khảo sát theo từng nội dung, phân tích các mặt hạn chế và tìm ra nguyên nhân, từ đó, đề ra giải pháp hoàn thiện một số nội dung còn bất cập, chưa phù hợp khi áp dụng vào thanh toán VĐT.

2.2. Dữ liệu nghiên cứu

Về dữ liệu thứ cấp: Được thu thập từ các báo cáo tổng kết giai đoạn 2014-2018 của KBNN huyện Mỹ Tú và các văn bản hiện hành có liên quan đến kiểm soát thanh toán XDCB.

Về dữ liệu sơ cấp: Tác giả thực hiện phỏng vấn 46 quan sát theo bảng câu hỏi được thiết kế sẵn. Đối tượng phỏng vấn là lãnh đạo KBNN; Phòng; Ban ngành huyện; Ban quản lý chương trình 135; Cán bộ, công chức trực tiếp tham gia làm công tác thanh toán VĐT XDCB.

3. Kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra một số hạn chế trong qui trình thanh toán VĐT XDCB trên địa bàn như sau:

3.1. Các văn bản hiện hành

Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định bảo lãnh thực hiện hợp đồng, tạm ứng rất chặt chẽ trong sử dụng vốn. Tuy nhiên, quy định này gây khó khăn cho các nhà thầu có quy mô nhỏ, vốn lưu động còn hạn chế. Nguyên nhân là muốn được bảo lãnh tạm ứng, nhà thầu thế chấp tài sản... nhưng đôi khi các nhà thầu này không còn tài sản nhàn rỗi để thế chấp. Còn số tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán, mức thu hồi của từng lần do hai bên thống nhất ghi trong hợp đồng... Việc thu hồi tạm ứng chưa có quy định cụ thể mức thu hồi từng lần có thể gây nên bất bình đẳng trong việc thu hồi tạm ứng giữa các gói thầu, nhà thầu. Đối với vốn tạm ứng chưa thu hồi sẽ sử dụng cho các mục đích khác, không đáp ứng yêu cầu sử dụng vốn đúng mục đích.

Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 quy định trong hợp đồng xây dựng các bên phải thỏa thuận về các trường hợp được điều chỉnh tiến độ, thời gian hoàn thành chậm hơn so với tiến độ hợp đồng thì các bên phải xác định rõ trách nhiệm mỗi bên đối với những thiệt hại do chậm tiến độ gây ra. Qua thực tế, các hợp đồng ký kết đều nêu

rõ mức phạt chậm tiến độ, nhưng khi triển khai thực hiện, hầu hết các CĐT đã không thực hiện nghiêm điều khoản thưởng và phạt.

Hạn chế về phân cấp, UBND tỉnh chưa có quyết định phân cấp trong lĩnh vực đầu tư cho cấp huyện, mới chỉ có văn bản chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương chủ động trong quá trình đầu tư. Việc phân cấp còn trong phạm vi hạn chế, thời gian chưa đủ dài, tính pháp lý chưa cao, chưa tạo được tính chủ động trong việc thực hiện dự án.

Phân cấp kiểm soát thanh toán cho KBNN huyện chưa thực sự hợp lý, chủ yếu là các dự án thuộc ngân sách trung ương, huyện và xã; còn ngân sách tỉnh thì phân cấp quản lý, từ đó chưa thuận lợi cho CĐT sử dụng NSNN tỉnh đóng trên địa bàn.

Ban quản lý huyện chỉ quản lý dự án nhóm C, trong đó phần nhiều là dự án chỉ định thầu và thực hiện không quá 2 năm, nhưng do điều kiện huyện Mỹ Tú khó khăn cần đầu tư xây dựng nhiều, trong khi nguồn vốn hạn chế, nên không bố trí đủ vốn đúng tiến độ cho công trình, vì vậy các dự án này thường bị kéo dài hơn quy định.

Đối với những khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, nhà thầu và CĐT thỏa thuận để nghiệm thu một số công việc chưa thực sự hoàn thành và lập hồ sơ để thanh toán hết kế hoạch vốn, vì theo quy định khối lượng hoàn thành đến ngày 31/12 năm kế hoạch được hoàn chỉnh thủ tục và thanh toán đến hết ngày 31/01 năm sau.

3.2. Kết quả khảo sát sơ cấp về hệ thống văn bản pháp luật, yếu tố con người và trang thiết bị vật chất, cơ sở dữ liệu

Để có cơ sở đánh giá như các yếu tố ảnh hưởng đến KSC XDCB tại địa bàn huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng, Tác giả đã thiết kế bảng câu hỏi và chỉnh sửa theo ý kiến đóng góp của các chuyên gia và thực hiện phỏng vấn 46 chuyên gia, cán bộ trực tiếp làm công tác kiểm soát chi với kết quả như Bảng 1.

Qua tổng hợp Bảng 1 cho thấy yếu tố này vẫn còn một số hạn chế như sau: Do một số văn bản chỉ đạo chuyên môn của ngành KBNN về KSC vốn đầu tư XDCB triển khai chưa thực sự rộng rãi, chủ yếu hướng dẫn trong KBNN, do đó các đơn vị có liên quan khó tiếp cận để thực hiện. Từ đó, việc quản lý cũng như kiểm soát thanh toán vốn đầu tư XDCB tại KBNN Mỹ Tú, Sóc Trăng không ít khó

Bảng 1. Kết quả khảo sát về hệ thống văn bản pháp luật

Tiêu chí	Điểm TB	Ý nghĩa
Các văn bản pháp luật, cơ chế chính sách của Trung ương ban hành có đầy đủ kịp thời, .. đáp ứng cho công tác quản lý về kiểm soát chi vốn đầu tư XDCB	4,07	Đồng ý
Văn bản kiểm soát chi đầu tư XDCB có thuận lợi, giữa các Bộ, ngành từ Trung ương đến địa phương	3,83	Đồng ý
Tính hiệu lực và hiệu quả của hệ thống văn bản hiện tại trong kiểm soát chi XDCB	4,22	Hoàn toàn đồng ý
Các biểu mẫu của Thông tư, văn bản... về chi XDCB có phù hợp, tiện lợi, dễ hiểu	4,26	Hoàn toàn đồng ý
Tiếp cận và cập nhật thông tin văn bản pháp luật, cơ chế có dễ dàng trong hệ thống KBNN	3,76	Đồng ý
Trung bình	4,03	Đồng ý

khán. Tuy nhiên, điểm trung bình của hệ thống văn bản pháp luật đã được chuyên gia và cán bộ chuyên môn thống nhất, đạt trung bình 4,03 ở mức Đồng ý cho thấy hệ thống văn bản pháp luật thực hiện tốt.

Từ kết quả tổng hợp Bảng 2 cho thấy, đa số chuyên gia và cán bộ công chức đồng ý với các tiêu chí. Tuy nhiên, tiêu chí Cán bộ kiểm soát chi có năng lực chuyên môn tốt và có trách nhiệm đáp ứng yêu cầu công việc, cho thấy yếu tố này

Bảng 2. Kết quả khảo sát về yếu tố con người thực hiện nhiệm vụ

Tiêu chí	Điểm trung bình	Ý nghĩa
KBNN Mỹ Tú, Sóc Trăng có phối hợp với Ban, Ngành và Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện nhiệm vụ	3,80	Đồng ý
KBNN Mỹ Tú, Sóc Trăng có lập kế hoạch thực hiện để phòng ngừa rủi ro trong kiểm soát chi vốn XDCB	3,89	Đồng ý
KBNN Mỹ Tú, Sóc Trăng đảm bảo thực thi đầy đủ các chính sách quản lý của nhà nước về XDCB	4,11	Đồng ý
KBNN Mỹ Tú, Sóc Trăng luôn tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành của Chính phủ, Ngành	3,89	Đồng ý
KBNN Mỹ Tú, Sóc Trăng có biện pháp, phân tích và đánh giá rủi ro trong chi vốn đầu tư XDCB	4,02	Đồng ý
KBNN Mỹ Tú, Sóc Trăng có hệ thống lưu văn bản khoa học, đầy đủ	4,15	Đồng ý
Cán bộ kiểm soát chi có năng lực chuyên môn tốt và có trách nhiệm đáp ứng yêu cầu công việc	3,67	Đồng ý
Chủ đầu tư có đảm bảo các yêu cầu năng lực trong việc tiếp nhận, triển khai các dự án XDCB	4,33	Hoàn toàn đồng ý
Chủ đầu tư luôn thực hiện đúng các quy trình về chi đầu tư XDCB	4,09	Đồng ý
Chủ đầu tư thường xuyên tiếp cận và cập nhật thông tin biến động thị trường trong thực hiện nhiệm vụ	4,24	Hoàn toàn đồng ý
Trung bình	4,02	Đồng ý

vẫn còn một số hạn chế. Về trình độ năng lực chuyên môn của cán bộ kiểm soát thanh toán XDCB của KBNN Mỹ Tú, Sóc Trăng, hầu hết cán bộ được học về chuyên ngành tài chính, ngân hàng. Do đó, cán bộ KSC có kiến thức cơ bản về lĩnh vực đầu tư xây dựng còn hạn chế.

4. Một số giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản

4.1. Về hồ sơ thủ tục, quy trình nghiệp vụ

Hiện nay, KBNN Mỹ Tú, Sóc Trăng đang thực hiện cùng lúc KSC vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, XDCB và chi thường xuyên. Để thống nhất trong công tác tổ chức, điều hành nghiệp vụ, cần điều chỉnh các nhiệm vụ này cho giao dịch viên thực hiện chuyên sâu về XDCB tại KBNN huyện, để thực hiện chức năng nhiệm vụ thanh toán, hạch toán kế toán các khoản chi.

4.2. Về nội dung kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản

KBNN nên ban hành thống nhất Quy trình KSC XDCB từ NSNN bao gồm cả vốn đầu tư trong nước, ngoài nước và các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

Hoàn thiện các khâu phân bổ kế hoạch vốn (Phân bổ kế hoạch vốn, kiểm soát thanh toán và tất toán) thành một hệ thống trong quá trình quản lý vốn. Đối với việc kiểm soát tạm ứng và thu hồi tạm ứng, cần quy định cụ thể về thời gian hoàn tạm ứng để xác định chính xác trách nhiệm của các bên có liên quan.

4.3. Về chỉ đạo diễn hành công tác kiểm soát chi vốn đầu tư xây dựng cơ bản

KBNN Mỹ Tú, Sóc Trăng nên chủ động hướng dẫn và phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn kịp thời các quy định mới về quản lý đầu tư để đảm bảo được thực hiện thống nhất.

4.4. Về hệ thống văn bản pháp luật; con người thực hiện nhiệm vụ và trang thiết bị vật chất, cơ sở dữ liệu

4.4.1. Hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật

KBNN Mỹ Tú, Sóc Trăng cần xây dựng thêm cơ chế phối hợp giữa các cơ quan và phân công trách nhiệm để giải quyết những khó khăn, vướng mắc về vốn, cơ chế thanh toán, quyết toán công trình hoàn thành; để nắm bắt, tháo gỡ những khó

khăn vướng mắc về thủ tục đầu tư, thủ tục thanh toán vốn cho các dự án, công trình xây dựng trên địa bàn.

Để xuất, kiến nghị với cơ quan thẩm quyền chỉnh sửa bổ sung những văn bản quy định hiện hành về thanh toán VĐT khi áp dụng vào thực tế còn bất cập, chưa chặt chẽ, thiếu hợp lý... có thể ảnh hưởng đến công tác quản lý vốn NSNN.

4.4.2. Về yếu tố con người

Chuẩn hóa và chuyên môn hóa đội ngũ cán bộ KBNN Mỹ Tú, Sóc Trăng, đặc biệt là những người trực tiếp làm công tác KSC NSNN. Để thực hiện được những yêu cầu nêu trên, KBNN Mỹ Tú, Sóc Trăng phải rà soát và phân loại cán bộ theo các tiêu chuẩn đạo đức, trình độ chuyên môn, năng lực quản lý... Từ đó, có kế hoạch đề xuất bồi dưỡng, sắp xếp, phân công công tác theo đúng năng lực và trình độ của từng người.

4.4.3. Trang thiết bị vật chất, cơ sở dữ liệu

KBNN Mỹ Tú, Sóc Trăng phải phối hợp với KBNN cấp trên từng bước hiện đại hóa công nghệ, quy trình nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành, thanh toán vốn đầu tư XDCB.

4.4.4. Các giải pháp khác

Xây dựng quy trình chuẩn bị, chấp hành và quyết toán NS tuân thủ các nguyên tắc và trình tự nghiêm ngặt đảm bảo việc kiểm tra, kiểm soát lẫn nhau giữa các cán bộ tham gia vào quá trình quản lý chi NS và thực hiện công khai quy trình kiểm soát chi NS.

5. Kết luận

Qua quá trình đánh giá thực trạng của một số văn bản và quy trình thanh toán XDCB tại KBNN Mỹ Tú, Sóc Trăng cho thấy các mặt còn hạn chế, tồn tại và chưa phù hợp, như: hệ thống văn bản; yếu tố con người thực hiện nhiệm vụ; trang thiết bị vật chất, cơ sở dữ liệu; phân cấp quản lý lĩnh vực đầu tư, tạm ứng và thu hồi tạm ứng; chi phí bảo hành; nội dung kiểm soát chi đầu tư... Trên cơ sở đó, tác giả đã đề xuất các giải pháp về cơ chế chính sách và tổ chức thực hiện nhằm hoàn thiện công tác KSC vốn đầu tư XDCB tại KBNN huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Võ Văn Cán (2014). *Hiệu quả quản lý đầu tư công tại thành phố Hồ Chí Minh, vấn đề và giải pháp*. Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
2. Lâm Hồng Cường (2014). *Nâng cao hiệu quả kiểm soát và giải ngân vốn đầu tư*. Tạp chí quản lý Ngân sách Quốc gia, Khoa học Nhà nước, Hà Nội.
3. Đặng Ngọc Diễm (2017). *Kiểm soát chi dân tư xây dựng cơ bản qua Kho Bạc Nhà nước Việt Thủy - Hậu Giang*. Luận văn thạc sỹ, Học viện Tài chính.
4. Nguyễn Văn Mạnh (2013). *Hoàn thiện công tác kiểm soát thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn vốn SSN cấp tỉnh tại KBNN Bắc Ninh*. Luận văn thạc sỹ kinh tế, Trường Đại học Thái Nguyên.
5. Hoàng Thị Hồng Phúc (2015). *Hoàn thiện công tác kiểm soát chi đầu tư xây dựng cơ bản qua Kho bạc Nhà nước Lào Cai*. Luận văn thạc sỹ kinh tế, Đại học Thái Nguyên.

Ngày nhận bài: 18/11/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 28/11/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 8/12/2019

Thông tin tác giả:

1. NGÔ VĂN HẬU

Kho bạc Nhà nước huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng

2. LÊ LONG HẬU

Khoa Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

IMPROVING THE EFFECTIVENESS OF THE CONTROL OF CAPITAL CONSTRUCTION INVESTMENT EXPENDITURE AT STATE TREASURY OF MY TU DISTRICT, SOC TRANG PROVINCE

● NGO VAN HAU

State Treasury of My Tu District, Soc Trang Province

● LE LONG HAU

Faculty of Economics, Can Tho University

ABSTRACT:

By using survey data from experts and officers who are directly involved in expenditure control operation, this study assesses a number of limitations in the application of existing documents to the capital construction payment process at My Tu District, Soc Trang Province. The results show that there are some difficulties, obstacles and inappropriate related to this process. The study proposes some solutions to relevant agencies to improve the effectiveness of the control of capital construction investment expenditure.

Keywords: Capital construction, investment, state budget, State Treasury of My Tu District.